

Số: 245/QĐ-HNT78

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG HỮU NGHỊ T78

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 2/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 24/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3978/QĐ-BGDĐT ngày 22/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Hữu nghị T78;

Căn cứ Quyết định số 3695/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2025 và Quyết định số 3587/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Quyết định số 1593/QĐ-BGDĐT ngày 11/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh dự toán NSNN năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2017/QĐ-BGDĐT ngày 09/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường Hữu nghị T78 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ KHTC-BGDĐT (để b/c);
- Dán băng tin của Trường;
- Đăng website của Trường;
- Lưu: VT, HCTH.



HIỆU TRƯỞNG

Khuất Văn Thanh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
TRƯỜNG HỮU NGHỊ T78

Chương: 022

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 245/QĐ-HNT78 ngày 12/8/2026
của Hiệu trưởng Trường Hữu nghị T78)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	91.365,3
I	Nguồn ngân sách trong nước	91.365,3
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	91.365,3
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Loại 070-074)	
3.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	41.273
3.1.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	1.464
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Loại 070-074)	29.980
3.2.1	Kinh phí thực hiện chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh dân tộc theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP	421
3.2.2	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách dân tộc theo NĐ 66/NĐ-CP	29.559
	- Chi học bổng	22.576
	- Chi trang cấp hiện vật và các chế độ khác ngoài học bổng	6.983
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Loại 400-402)	18.648,3

3.3.1	Đào tạo Lưu học sinh Lào (7400-7401)	18.648,3
3.3.2	Đào tạo Lưu học sinh Campuchia (7400-7402)	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi đảm bảo xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	